

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 33/1999/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý, cấp phát kinh phí sự nghiệp

Chương trình Quốc gia xoá đói giảm nghèo

Căn cứ Quyết định số 05/1998/QĐ-TTg ngày 14/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý Chương trình mục tiêu Quốc gia và Quyết định 531/TTg ngày 8/8/1996 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 133/1998/QĐ-TTg ngày 23/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Xoá đói giảm nghèo trong giai đoạn 1998 – 2000;

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996, Nghị định số 51/1998/NĐ/CP ngày 18 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về phân cấp, quản lý, lập, chấp hành và quyết toán Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, sử dụng ngân sách thuộc Chương trình Quốc gia xoá đói giảm nghèo như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1- Hàng năm Ngân sách Trung ương bố trí một khoản kinh phí cần thiết để thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo. Kinh phí chương trình Quốc gia xoá đói giảm nghèo do Ban Chủ nhiệm chương trình phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ, trình Chính phủ duyệt để thông báo trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ, ngành, cơ quan TW và các địa phương.

2- Ngoài kinh phí được bố trí từ nguồn vốn sự nghiệp, chương trình Xoá đói giảm nghèo còn được đầu tư bằng nguồn vốn Xây dựng cơ bản (có văn bản hướng dẫn

riêng). Hàng năm các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương cần huy động các nguồn lực sẵn có của Bộ, ngành, cơ quan TW và địa phương, nguồn tự có của nhân dân để thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

3- Các chương trình mục tiêu quốc gia khác nếu có các nội dung chi liên quan đến mục tiêu xoá đói giảm nghèo phải được lồng ghép với kinh phí chương trình xoá đói giảm nghèo để thực hiện có hiệu quả đúng mục đích không trùng lắp.

4- Các dự án được bố trí kinh phí từ nguồn sự nghiệp do Bộ Tài chính cấp trực tiếp cho Bộ, ngành, cơ quan tham gia chương trình và cấp uỷ quyền qua Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc TW để thực hiện nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo tại địa phương.

5- Kinh phí chương trình xoá đói giảm nghèo được quản lý chặt chẽ, chi đúng mục đích, đúng đối tượng; báo cáo và quyết toán theo quy định hiện hành.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1- Các dự án được bố trí vốn từ nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Ngân sách Trung ương bao gồm:

- Dự án định canh, định cư, di dân, kinh tế mới.
- Dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc khó khăn.
- Dự án hướng dẫn người nghèo cách làm ăn và khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.
- Dự án nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo và cán bộ các xã nghèo.
- Dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề.
- Dự án hỗ trợ về giáo dục
- Dự án hỗ trợ về y tế.

2- Cơ chế quản lý tài chính các dự án:

2.1- Dự án định canh, định cư, kinh tế mới:

- Nguồn vốn sự nghiệp định canh, định cư do ngân sách nhà nước cấp nhằm hỗ trợ đồng bào dân tộc thuộc diện định canh, định cư ngoài vùng dự án để tăng gia sản xuất và ổn định đời sống.

Cơ chế quản lý kinh phí định canh, định cư theo công văn số 3262/TC/HCSN ngày 19 tháng 9 năm 1996 của Bộ Tài chính.

- Nguồn vốn sự nghiệp di dân kinh tế mới: nhằm giúp các hộ gia đình tự nguyện đi xây dựng các vùng kinh tế mới, vùng kinh tế được cấp có thẩm quyền cho phép, vùng dự án theo hình thức lồng ghép hoặc tự liên hệ và được địa phương nơi đến chấp nhận, vùng giải phóng mặt bằng, di dân đến vùng biên giới theo kế hoạch di dân được Nhà nước giao hàng năm ổn định đời sống và phát triển sản xuất, tăng cường an ninh quốc phòng.

Cơ chế quản lý kinh phí di dân kinh tế mới theo Thông tư số 15/LĐTBXH ngày 1/7/1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2- Dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc khó khăn: Là dự án nhằm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn và các dân tộc ở những vùng đặc biệt khó khăn ổn định đời sống, phát triển sản xuất tăng thêm thu nhập để từng bước xóa đói giảm nghèo.

a/ Đối tượng được hưởng hỗ trợ của dự án là:

- Các hộ gia đình thuộc dân tộc thiểu số khó khăn cư trú ở miền núi cao, vùng sâu, xa xôi hẻo lánh, vùng biên giới có thu nhập bình quân đầu người dưới 13 ki lô gam gạo/ tháng; trình độ sản xuất lạc hậu, trình độ dân trí thấp, hạ tầng cơ sở còn sơ sài.

- Hộ gia đình dân tộc ở vùng đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 41/UB-TT ngày 8/1/1996 của Ủy ban dân tộc Miền núi do điều kiện khí hậu, đất đai, giao thông không thuận lợi hoặc bị hậu quả chiến tranh đời sống khó khăn thiếu ăn, không có nước sinh hoạt mùa màng thất thu.

b/ Nội dung chi và mức chi:

Kinh phí dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc khó khăn được chi cho những nội dung sau:

- Chi hỗ trợ một lần đời sống cho các hộ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn bao gồm: Lương thực, đồ dùng sinh hoạt (quần áo, chăn màn, xoong, nồi, bát đĩa....), mỗi hộ từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, mức hỗ trợ cụ thể cho từng hộ do Ban dân tộc hoặc Tổ chức phụ trách công tác dân tộc miền núi cấp tỉnh xét và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.

- Chi hỗ trợ tăng gia sản xuất dưới hình thức cho vay không tính lãi gồm: Mua cây giống, con giống, vật tư nông nghiệp phát triển kinh tế vườn hộ, dụng cụ sản xuất, chế biến nhỏ, mức hỗ trợ tối đa một triệu đồng/ hộ.
- Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng cán bộ tình nguyện làm nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật canh tác, chăn nuôi, gieo trồng cho dân, mức chi tối đa không quá 500.000 người/tháng theo hợp đồng và thời gian thực tế làm việc của cán bộ hướng dẫn.
- Chi nghiên cứu, ứng dụng và xây dựng các mô hình chuyển hướng sản xuất.
- Kinh phí quản lý chỉ đạo bao gồm: Chi hội nghị, hội thảo phổ biến quán triệt chủ trương, bàn biện pháp thực hiện, chi sổ sách giấy tờ phục vụ công tác quản lý, chi công tác tuyên truyền, chi công tác kiểm tra, chỉ đạo... Mức chi tối đa không quá 5% kinh phí dự án.

c/ Thủ tục xét duyệt hỗ trợ đời sống và cho vay phát triển sản xuất:

- Đối với kinh phí hỗ trợ đời sống: Căn cứ đối tượng và điều kiện quy định tại điểm a mục 2.2 nêu trên, Ủy ban nhân dân xã phổ biến đến từng thôn bản để nhân dân bình xét, sau đó lập danh sách gửi Ủy ban nhân dân huyện để tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. Danh sách các hộ được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trợ cấp được gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã để thực hiện.
- Đối với kinh phí cho vay sản xuất: Các hộ có nhu cầu vay vốn tăng gia sản xuất phải làm đơn xin trình bày rõ lý do vay vốn có xác nhận của thôn, bản để gửi Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú tập hợp gửi Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định và thông báo danh sách được vay cho Sở Tài chính vật giá và Kho bạc nơi có đối tượng vay.

d/ Tổ chức cấp kinh phí hỗ trợ, kinh phí cho vay và thu hồi nợ:

- Kinh phí hỗ trợ đời sống được cấp đến đối tượng được hưởng thụ thông qua Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân huyện. Các cơ quan này có trách nhiệm giao tiền đến từng hộ và chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng, sử dụng kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích.